TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 185/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 704/2025/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Hồ Thành N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ B, ấp A, xã Đ, huyện C, (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thanh T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số S đường L, Phường M, quận G, (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Hồ Thành N và bà Lê Thanh T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 23/4/2018 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 28/5/2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17/7/2025, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông N và bà T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc chia hoặc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Thành N và bà Lê Thanh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 93 ngày 23/4/2018 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, (nay là xã P), Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 02 con chung

1. Hồ Minh T, sinh ngày 18/02/2018;

2. Hồ Hữu T, sinh ngày 17/01/2019

Ông N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Hồ Minh T và Hồ Hữu T. Bà T cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng/trẻ, thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ tháng 8/2025 cho đến khi 02 trẻ lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bà T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung: Hai bên xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông N và bà T phải chịu tiền lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0000146 ngày 09/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N và bà T đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND khu vực X-TPHCM;
- Phòng THADS khu vực X-TPHCM;
- UBND xã Đ, huyện C,(nay là xã P), TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Hoàng Thị Chinh